

## Phiếu An toàn Hóa chất

Trang: 1/13

BASF Phiếu An toàn Hóa chất  
Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 31.01.2024  
Sản phẩm: **BUTYL TRIGLYCOL**

Phiên bản: 3.0

(30034746/SDS\_GEN\_VN/VI)

Ngày in: 08.10.2025

### 1. Nhận dạng hóa chất và thông tin về nhà cung cấp

**Tên sản phẩm:**  
**BUTYL TRIGLYCOL**

Sử dụng: Hóa chất

Công ty:

Công ty TNHH BASF Việt Nam  
Tầng 23, Ngõ nhà Đức Thành phố Hồ Chí Minh,  
33 Lê Duẩn, Phường Sài Gòn,  
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam  
Điện thoại: +84 28 3824 3833  
Số fax: +84 28 3824 3832  
Địa chỉ mail: minh-triet.thieu@basf.com

Thông tin khẩn cấp:

18001703 (Việt Nam)  
Số fax: +84 28 3824 3832  
International emergency number:  
Điện thoại: +49 180 2273-112

### 2. Nhận dạng đặc tính nguy hiểm của hóa chất

Phân loại về chất và hợp chất:  
Độ độc cấp tính: Cat.5 (trên da)  
Thương tổn mắt/ kích ứng mắt nghiêm trọng: Cat.1

Ghi nhãn sản phẩm và cảnh báo nguy cơ:

Hình đồ cảnh báo:



BASF Phiếu An toàn Hóa chất  
Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 31.01.2024  
Sản phẩm: **BUTYL TRIGLYCOL**

Phiên bản: 3.0

(30034746/SDS\_GEN\_VN/VI)

Ngày in: 08.10.2025

Cảnh báo:  
Nguy hiểm

Cảnh báo nguy cơ:

H318

Gây thương tổn mắt nghiêm trọng.

H313

Có thể nguy hại khi tiếp xúc với da.

Biện pháp phòng ngừa:

P280

Trang bị bảo vệ mắt/ mặt.

Lưu ý khi tiếp xúc:

P310

Ngay lập tức liên hệ với Trung Tâm Chất Độc hay bác sĩ.

P305+P351+P338

NEU VẮNG VÀO MẮT: Rửa sạch cẩn thận với nước trong vài phút.

Tháo kính sát trùng, nếu có và thực hiện nhẹ nhàng. Tiếp tục rửa sạch.

Những mối nguy hiểm khác mà không được phân loại:

Trường hợp thông tin ứng dụng được cung cấp trong phần này về những mối nguy cơ khác không đưa đến kết quả phân loại nguy hiểm nhưng vẫn ảnh hưởng đến những nguy cơ tổng quát của đơn chất hoặc hợp chất.

Xem phần 12 - Kết quả đánh giá PBT và vPvB

Tiếp xúc liên tục có thể làm khô da hay nứt nẻ.

### 3. Thông tin về thành phần các chất

#### Bản chất của hoá chất

Trạng thái chất: Chất

Reaction mass of 2-(2-(2-butoxyethoxy)ethoxy)ethanol and 3,6,9,12-tetraoxahexadecan-1-ol

#### Thành phần nguy hại

2-(2-(2-butoxyethoxy)ethoxy)ethanol

Hàm lượng (W/W):  $\geq 61\%$  -  $\leq$ 

80 %

Số CAS: 143-22-6

Acute Tox.: Cat. 5 (trên da)

Eye Dam./Irrit.: Cat. 1

3,6,9,12-Tetraoxahexadecan-1-ol

Hàm lượng (W/W):  $\geq 15\%$  -  $\leq$ 

33 %

Số CAS: 1559-34-8

Acute Tox.: Cat. 5 (tiếp xúc miệng)

Eye Dam./Irrit.: Cat. 2A

### 4. Biện pháp sơ cứu về y tế

Khuyến cáo chung:

Cởi bỏ quần áo nhiễm bẩn.

BASF Phiếu An toàn Hóa chất  
Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 31.01.2024  
Sản phẩm: **BUTYL TRIGLYCOL**

Phiên bản: 3.0

(30034746/SDS\_GEN\_VN/VI)

Ngày in: 08.10.2025

Nếu hít phải:

Giữ bệnh nhân bình tĩnh, di chuyển ra nơi có không khí trong lành. Ngay lập tức hít một liều corticosteroid sol khí.

Khi tiếp xúc với da:

Ngay lập tức rửa kỹ với nhiều nước, mặc áo quần khô, xin ý kiến tư vấn chuyên môn về da.

Khi tiếp xúc với mắt:

Ngay lập tức rửa mắt bị ảnh hưởng trong ít nhất 15 phút dưới vòi nước chảy và mở to mí mắt, tham khảo ý kiến chuyên gia mắt.

Khi nuốt phải:

Ngay lập tức súc miệng và sau đó uống 200-300 ml nước, gọi bác sĩ.

Lưu ý cho bác sĩ:

Triệu chứng: Thông tin, thông tin bổ sung về các triệu chứng và tác dụng được thể hiện trong các cụm từ ghi nhãn GHS trong Phần 2 và trong đánh giá Độc tính ở Phần 11., Các triệu chứng và / hoặc các hiệu ứng khác vẫn chưa được biết đến

Những mối nguy hiểm: Thông tin, thông tin bổ sung về các triệu chứng và tác dụng được thể hiện trong các cụm từ ghi nhãn GHS trong Phần 2 và trong đánh giá Độc tính ở Phần 11. Các triệu chứng và / hoặc các hiệu ứng khác vẫn chưa được biết đến

Việc xử lý: Điều trị theo các triệu chứng (khử độc, chức năng sống), không có thuốc giải độc đặc trưng.

## 5. Biện pháp xử lý khi có hỏa hoạn

Phương tiện chữa cháy phù hợp:

bột khô, Phun nước, cacbon dioxide, bọt chịu cồn

Những phương tiện chữa cháy không phù hợp vì lý do an toàn:

Vòi phun nước

Thông tin bổ sung:

Sử dụng phương pháp dập tắt thích hợp với khu vực xung quanh.

Những mối nguy hiểm cụ thể:

Sản phẩm dễ cháy. Làm mát các thùng nguy hiểm bằng cách phun nước. Xem MSDS phần 7 - Xử lý và cất trữ.

Thiết bị bảo vệ đặc biệt:

Trang bị dụng cụ hô hấp độc lập. Phương tiện bảo vệ cá nhân đặc biệt cho lính cứu hỏa

Thông tin bổ sung:

Những người không phận sự không được vào khu vực. Chữa cháy từ khoảng cách xa nhất có thể.

Thông tin bổ sung:

Mở rộng các biện pháp chữa cháy Loại bỏ những mảnh vụn cháy và nước chữa cháy bị nhiễm bẩn hóa chất theo các quy định chính thức.

BASF Phiếu An toàn Hóa chất  
Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 31.01.2024  
Sản phẩm: **BUTYL TRIGLYCOL**

Phiên bản: 3.0

(30034746/SDS\_GEN\_VN/VI)

Ngày in: 08.10.2025

## 6. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó khi có sự cố

Những cảnh báo cá nhân:

| Xử lý theo quy tắc vệ sinh và an toàn công nghiệp.

Cảnh báo môi trường:

| Tránh thải vào môi trường.

Phương pháp lau dọn hoặc thu gom:

| Thu gom bằng dụng cụ phù hợp và thải bỏ. Lượng đổ tràn nên được chặn lại, đông đặc lại, và được đặt trong các thùng chứa thích hợp để thải bỏ. Xử lý vật liệu hấp thụ theo các quy định.

| Thông tin bổ sung: Rủi ro trượt ngã cao do rò rỉ/tràn đổ sản phẩm.

| Chặn hoặc khóa nguồn tràn đổ. Ngắt hay ngưng chất/sản phẩm được xả ra theo các điều kiện an toàn.

| Đóng trong thùng kín khi thải bỏ.

## 7. Yêu cầu về sử dụng, bảo quản

Hướng dẫn sử dụng

Tránh tiếp xúc với không khí/ khí oxy (dạng peroxyt) Phải bảo đảm thông thoáng hoàn toàn ở khu vực lưu trữ và làm việc.

Phòng chống cháy nổ:

| Không cần thiết cảnh báo đặc biệt. Chất/Sản phẩm không dễ cháy.

Hướng dẫn bảo quản

Thông tin bổ sung về điều kiện lưu trữ: Các thùng chứa nên được đóng kín ở nơi khô ráo.

## 8. Kiểm soát phơi nhiễm / yêu cầu về thiết bị bảo vệ cá nhân

Thành phần của các thông số kiểm soát khu vực làm việc

| Không có giới hạn phơi nhiễm nghề nghiệp cụ thể được biết đến.

Thiết bị bảo hộ cá nhân

Bảo vệ hô hấp:

Mang thiết bị bảo vệ hô hấp nếu hệ thống thông thoáng không đầy đủ. Bộ lọc khí dành cho khí/ hơi của các hợp chất hữu cơ (điểm sôi >65 °C, vd EN 14387 Loại A)

Bảo vệ tay:

Găng tay bảo vệ chống hóa chất (EN ISO 374-1)

Vật liệu thích hợp khi tiếp xúc thời gian dài, tiếp xúc trực tiếp (đề nghị: Bảo vệ trong phụ lục 6, tương ứng thời gian thấm thấu > 480 phút theo EN ISO 374-1):

cao su nitril (NBR) - bề dày lớp phủ 0.4 mm

BASF Phiếu An toàn Hóa chất  
Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 31.01.2024  
Sản phẩm: **BUTYL TRIGLYCOL**

Phiên bản: 3.0

(30034746/SDS\_GEN\_VN/VI)

Ngày in: 08.10.2025

Nên tuân thủ những hướng dẫn sử dụng của nhà sản xuất do sự đa dạng về chủng loại.  
Lưu ý bổ sung: Các thông số dựa trên thí nghiệm, dữ liệu lý thuyết và thông tin của nhà sản xuất  
găng tay hay có nguồn gốc từ những chất tương tự theo phép loại suy. Tùy thuộc vào nhiều  
điều kiện khác nhau (như nhiệt độ), trên thực tế việc sử dụng các găng tay chống hoá chất có thể  
ngắn hơn nhiều so với thời gian thẩm thấu được xác định qua các thí nghiệm

Bảo vệ mắt:

Điều chỉnh vừa kín kính an toàn (kính chống bắn tóe) (vd. EN 166)

Bảo vệ toàn thân:

Bảo vệ cơ thể được chọn dựa vào hoạt động và khả năng phơi nhiễm, ví dụ tạp dề, ủng bảo vệ,  
quần áo chống hoá chất (theo EN 14605 trong trường hợp hoá chất văng hoặc EN ISO 13982 trong  
trường hợp bụi).

Tiêu chuẩn vệ sinh và an toàn chung:

Xử lý theo quy tắc vệ sinh và an toàn công nghiệp. Yêu cầu mặc trang phục làm việc bó sát ngoài  
thiết bị bảo vệ cá nhân đã nêu.

## 9. Đặc tính lý, hóa của hóa chất

Dạng:	chất lỏng	
Màu sắc:	không màu	
Mùi:	gần như không mùi	
Ngưỡng mùi:	không được xác định	
Giá trị pH:	(20 °C) trung tính	
Nhiệt độ nóng chảy:	tương đương -45 °C	
Khoảng sôi:	265 - 350 °C (1,013 mbar)	(DIN 53171)
Điểm chớp cháy:	131 °C Sản phẩm không được thí nghiệm. Báo cáo dựa trên các thuộc tính của từng thành phần.	(ISO 2719, cốc kín)
Tốc độ bay hơi:	Giá trị gần đúng theo Định luật Henry hoặc theo áp suất hơi.	
Tính dễ cháy (chất rắn/Khí gas):	khó cháy	(được bắt nguồn từ điểm chớp cháy)
Giới hạn nổ dưới (LEL):	Các chất lỏng không áp dụng quy định phân loại và dán nhãn., Giới hạn nổ dưới có thể thấp hơn từ 5 - 15 °C so với độ chớp cháy.	
Giới hạn nổ trên (UEL):	Các chất lỏng không áp dụng quy định phân loại và dán nhãn.	

BASF Phiếu An toàn Hóa chất  
 Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 31.01.2024  
 Sản phẩm: **BUTYL TRIGLYCOL**

Phiên bản: 3.0

(30034746/SDS\_GEN\_VN/VI)

Ngày in: 08.10.2025

Nhiệt độ tự cháy:	202 °C Sản phẩm không được thí nghiệm. Báo cáo dựa trên các thuộc tính của từng thành phần.	(DIN 51794)
Phân huỷ do nhiệt:	Không phân huỷ nếu được cất trữ và sử dụng như được chỉ dẫn/ quy định.	
Tự bắt cháy:	Dựa trên các đặc điểm cấu trúc của nó, sản phẩm không được phân loại là tự cháy.	Loại thí nghiệm: Tự bốc cháy ở nhiệt độ phòng
Khả năng tự gia nhiệt:	Không áp dụng, sản phẩm là chất lỏng	
Nguy cơ nổ:	Dựa trên cấu trúc hóa học không có biểu hiện cho thấy có các thuộc tính nổ.	
Những đặc tính làm tăng cháy:	Dựa trên các đặc điểm cấu trúc của nó sản phẩm không được phân loại là oxy hóa.	
Áp suất hơi:	0.002 mbar (20 °C) 0.02 mbar (50 °C)	(được đo lường) (được đo lường)
Tỷ trọng:	0.9917 g/cm3 (20 °C)	(ISO 2811-3)
Tỷ trọng tương đối:	0.9917 (20 °C)	
Tỷ trọng hơi (không khí):	> 1 (20 °C) Nặng hơn không khí.	(được ước lượng)
Tính tan trong nước:	Sản phẩm không được thí nghiệm. Báo cáo dựa trên các thuộc tính của từng thành phần., Dữ liệu tài liệu. 989 g/l (20 °C)	
Khả năng pha trộn với nước:	(20 °C) có thể pha trộn	
Độ hoà tan (định tính) (các) dung môi:	các dung môi hữu cơ hoà tan	
Hệ số phân chia n-octanol/nước (biểu đồ Pow):	0.51 (25 °C; Giá trị pH: 7) Các báo cáo dựa trên các thuộc tính của từng thành phần.	(OECD-Hướng dẫn 107)
Sức căng bề mặt:	61.2 - 61.5 mN/m (20 °C; 1 g/l)	(OECD-Hướng dẫn 115)
Tính nhớt, động lực:	10.6 mPa.s (20 °C)	

BASF Phiếu An toàn Hóa chất  
Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 31.01.2024  
Sản phẩm: **BUTYL TRIGLYCOL**

Phiên bản: 3.0

(30034746/SDS\_GEN\_VN/VI)

Ngày in: 08.10.2025

9.1 mPa.s  
(25 °C)  
Sản phẩm chưa được thử nghiệm.  
Các kết luận đưa ra dựa trên các  
chất hay sản phẩm có cấu trúc hoặc  
thành phần tương tự., Dữ liệu tài  
liệu.  
5.58 mPa.s  
(40 °C)

## 10. Mức ổn định và phản ứng của hóa chất

Những điều kiện cần tránh:

Không có cảnh báo đặc biệt nào hơn việc giữ gìn vệ sinh nhà xưởng chứa hoá chất.

Phân huỷ do nhiệt:

Không phân huỷ nếu được cất trữ và sử dụng như được chỉ dẫn/ quy định.

Những chất cần tránh:

các tác nhân oxy hóa mạnh

Sự ăn mòn kim loại: Không dự đoán ăn mòn kim loại.

Những phản ứng nguy hiểm:

Phản ứng với kim loại sáng và giải phóng khí hydrô. Phản ứng với các tác nhân oxy hóa mạnh.

Các sản phẩm phân huỷ nguy hại:

Không có các sản phẩm phân huỷ nguy hại nếu cất trữ và xử lý như được trình bày/ thể hiện.

Tính ổn định hóa học:

Sản phẩm thích hợp nếu cất trữ và xử lý như được trình bày/ thể hiện.

Khả năng phản ứng:

Phản ứng không nguy hại nếu được cất trữ và sử dụng theo chỉ dẫn/ quy định.

## 11. Thông tin về độc tính

### Các đường tiếp xúc

#### Độ độc cấp tính khi tiếp xúc qua miệng

Dữ liệu thực nghiệm/ tính toán:

LD50chuột (miệng): > 5,170 mg/kg (Thí nghiệm BASF)

Sản phẩm không được thí nghiệm. Báo cáo dựa trên các thuộc tính của từng thành phần.

#### Độ độc cấp tính khi hít phải

LC0 chuột (bằng cách hít phải): 3.46 mg/l 8 h (IRT)

Không có trường hợp tử vong nào được ghi nhận. Sản phẩm không được thí nghiệm. Báo cáo dựa trên các thuộc tính của từng thành phần. Thí nghiệm hơi nước.

#### Độ độc cấp tính trên da

BASF Phiếu An toàn Hóa chất  
Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 31.01.2024  
Sản phẩm: **BUTYL TRIGLYCOL**

Phiên bản: 3.0

(30034746/SDS\_GEN\_VN/VI)

Ngày in: 08.10.2025

LD50 thỏ (da): 3,540 mg/kg

Sản phẩm không được thí nghiệm. Báo cáo dựa trên các thuộc tính của từng thành phần.

### **Đánh giá độ độc cấp tính**

Trong nhiều nghiên cứu trên động vật, chất hầu như không độc sau 1 lần ăn vào. độ độc tính thấp sau khi tiếp xúc với da trong thời gian ngắn. Việc hít vào một hỗn hợp hơi-khí có nồng độ cao/ bão hòa cho thấy không có khả năng nguy hại độc tính.

### **Triệu chứng**

Thông tin, thông tin bổ sung về các triệu chứng và tác dụng được thể hiện trong các cụm từ ghi nhãn GHS trong Phần 2 và trong đánh giá Độc tính ở Phần 11. Các triệu chứng và / hoặc các hiệu ứng khác vẫn chưa được biết đến

### **Kích ứng**

Đánh giá tác động kích ứng:

Không gây kích ứng da. Có thể gây tổn thương nghiêm trọng cho mắt.

Dữ liệu thực nghiệm/ tính toán:

Ấn mòn/Kích ứng da thỏ: không gây kích ứng (Thí nghiệm BASF)

Sản phẩm không được thí nghiệm. Báo cáo dựa trên các thuộc tính của từng thành phần.

Gây tổn thương/kích ứng mắt nghiêm trọng thỏ: tổn thương không thể thay đổi được (OECD hướng dẫn 405)

Sản phẩm không được thí nghiệm. Báo cáo dựa trên các thuộc tính của từng thành phần.

### **Dị ứng da/hô hấp**

Đánh giá tính nhạy cảm:

Không có tác dụng mẫn cảm.

Dữ liệu thực nghiệm/ tính toán:

Thí nghiệm tăng tối đa trên chuột lang chuột lang: Không làm mẫn cảm. (OECD hướng dẫn 406)

Sản phẩm chưa được thử nghiệm. Các kết luận đưa ra dựa trên các chất hay sản phẩm có cấu trúc hoặc thành phần tương tự.

### **Gây đột biến tế bào**

Đánh giá khả năng gây đột biến:

Chất không gây đột biến trên vi khuẩn. Chất không gây đột biến trên tế bào động vật có vú. Sản phẩm không được thí nghiệm. Báo cáo dựa trên các thuộc tính của từng thành phần.

### **Chất gây ung thư**

Đánh giá khả năng gây ung thư:

Không có sẵn các dữ liệu.

### **Độc đối với sinh sản**

Đánh giá độ độc đến sinh sản:

Các cuộc nghiên cứu động vật không cho thấy tác động làm suy giảm khả năng sinh sản với các liều lượng không độc đối với động vật bố mẹ. Sản phẩm chưa được thử nghiệm. Các kết luận đưa ra dựa trên các chất hay sản phẩm có cấu trúc hoặc thành phần tương tự.



## Độc tính gia tăng

Đánh giá vấn đề quái thai:

Những nghiên cứu trên động vật đã không biểu thị tác dụng gia tăng độc tính với mỗi liều không độc cho động vật bố mẹ. Sản phẩm chưa được thử nghiệm. Các kết luận đưa ra dựa trên các chất hay sản phẩm có cấu trúc hoặc thành phần tương tự.

## Độ độc lên cơ quan đích đặc trưng (phơi nhiễm đơn)

Theo những thông tin hiện có, không phát hiện độc tính trên cơ quan đặc biệt của cơ thể sau một lần tiếp xúc với hoá chất.

## Độ độc liều lượng lặp lại và cơ quan đích cụ thể (phơi nhiễm nhiều lần)

Đánh giá độ độc liều lượng lặp:

Tiếp xúc qua đường miệng nhiều lần với khối lượng lớn có thể gây hại cho các cơ quan nội tạng. Việc hấp thụ hoá chất qua da nhiều lần không gây ra những ảnh hưởng liên quan đến hoá chất. Sản phẩm chưa được thử nghiệm. Các kết luận đưa ra dựa trên các chất hay sản phẩm có cấu trúc hoặc thành phần tương tự.

## Nguy cơ khi hít vào

Không nhận thấy nguy cơ khi hít phải.

## 12. Thông tin về sinh thái

### Độc sinh thái

Đánh giá độ độc với môi trường thủy sinh:

Một khả năng cao là sản phẩm không gây nguy hại sâu đến sinh vật thủy sinh. Sự kìm hãm quá trình phân huỷ của bùn hoạt tính không thể đoán trước khi cho vào nhà máy xử lý nước thải bằng phương pháp sinh học ở nồng độ thấp.

Độc với loài cá:

LC50 (96 h) 2,200 - 4,600 mg/l, *Leuciscus idus* (DIN 38412 Phần 15, tính điện)

Các chi tiết của tác động độc tố có liên quan đến nồng độ nhỏ. Sản phẩm không được thí nghiệm. Báo cáo dựa trên các thuộc tính của từng thành phần.

Loài không xương sống thủy sinh:

EC50 (48 h) > 500 mg/l, *Daphnia magna* (Chỉ thị 92/69/EEC, C.2, tính điện)

Các chi tiết của tác động độc tố có liên quan đến nồng độ nhỏ. Sản phẩm không được thí nghiệm. Báo cáo dựa trên các thuộc tính của từng thành phần.

Thực vật thủy sinh:

EC10 (72 h) 612.6 mg/l (tỷ lệ tăng trưởng), *Desmodesmus subspicatus* (DIN 38412 Phần 8, tính điện)

Các chi tiết của tác động độc tố có liên quan đến nồng độ nhỏ. Sản phẩm không được thí nghiệm. Báo cáo dựa trên các thuộc tính của từng thành phần.

Vi sinh vật/ Tác động lên bùn hoạt tính:

EC10 (30 min) > 1,995 mg/l, bùn hoạt tính, nước thải công nghiệp (Hướng dẫn OECD 209, ở dưới nước)

BASF Phiếu An toàn Hóa chất  
Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 31.01.2024  
Sản phẩm: **BUTYL TRIGLYCOL**

Phiên bản: 3.0

(30034746/SDS\_GEN\_VN/VI)

Ngày in: 08.10.2025

Các chi tiết của tác động độc tố có liên quan đến nồng độ nhỏ. Sản phẩm không được thí nghiệm.  
Báo cáo dựa trên các thuộc tính của từng thành phần.

Độc mãn tính cho loài cá:  
Không cần thiết tiến hành các nghiên cứu.

Độc mãn tính cho loài không xương sống thủy sinh:  
Không cần thiết tiến hành các nghiên cứu.

Đánh giá độ độc với động vật trên cạn:

### **Đặc tính không ổn định**

Đánh giá giữa việc vận chuyển và dự luật môi trường:  
Không có sẵn các dữ liệu.  
Không có khả năng hấp thụ trong đất dạng rắn.

### **Tính bền và tính biến chất**

Thông tin bị đào thải:  
85 % BOD của ThOD (28 d) (OECD 301D; EEC 92/69, C.4-E) (hiếu khí, vi khuẩn khác)  
Sản phẩm chưa được thử nghiệm. Các kết luận đưa ra dựa trên các chất hay sản phẩm có cấu trúc hoặc thành phần tương tự.

76 % BOD của ThOD (28 d) (OECD 301D; EEC 92/69, C.4-E) (hiếu khí, chủ yếu là nước thải sinh hoạt, không thích nghi)  
Sản phẩm chưa được thử nghiệm. Các kết luận đưa ra dựa trên các chất hay sản phẩm có cấu trúc hoặc thành phần tương tự.

Đánh giá tính ổn định trong nước:  
Dựa vào thuộc tính cấu trúc, sự thủy phân không chắc chắn xảy ra.

### **Khả năng tích lũy sinh học**

Đánh giá khả năng phân huỷ sinh học:  
Bởi vì hệ số tích lũy giữa n-octanol/nước trong sinh khối là không hoàn toàn bình thường.

Khả năng tích lũy sinh học:  
Không có sẵn các dữ liệu.

### **Những tác động bất lợi khác**

Halogen mạch vòng hữu cơ có khả năng hấp phụ (AOX):  
Sản phẩm này không có chứa halogen liên kết hữu cơ.

### **Thông tin bổ sung**

Những lời khuyên về độc chất sinh thái khác:  
Không thải sản phẩm vào môi trường mà không được kiểm soát.

---

## **13. Thông tin về thải bỏ**

Thông tin quy định tiêu hủy: Phải tuân thủ các quy định về chất thải nguy hiểm như:

BASF Phiếu An toàn Hóa chất  
 Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 31.01.2024  
 Sản phẩm: **BUTYL TRIGLYCOL**

Phiên bản: 3.0

(30034746/SDS\_GEN\_VN/VI)

Ngày in: 08.10.2025

- Luật số 72/2020/QH14 của Quốc hội : Luật Bảo Vệ Môi Trường.
- Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ : Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.
- Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường : Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Phải chuyển đến trạm đốt phù hợp, theo quy định của địa phương.

Bao bì nhiễm bẩn hoá chất:

Bao bì nhiễm bẩn nên được trút ra tối đa có thể, sau đó chúng có thể được chuyển đi tái sinh sau khi được làm sạch hoàn toàn.

## 14. Thông tin khi vận chuyển

### Vận chuyển nội địa:

	Không được phân loại như là hàng hoá nguy hiểm theo những qui định vận tải
Số UN hoặc số ID	Không áp dụng
Tên vận chuyển thích hợp của Liên Hợp Quốc:	Không áp dụng
Lớp nguy hiểm trong vận chuyển:	Không áp dụng
Nhóm đóng gói:	Không áp dụng
Mối nguy hiểm về môi trường:	Không áp dụng
Phòng ngừa đặc biệt cho người dùng	Chưa có thông tin

### Vận tải đường thủy

IMDG	Không được phân loại như là hàng hoá nguy hiểm theo những qui định vận tải
Số UN hoặc số ID:	Không áp dụng
Tên vận chuyển thích hợp của Liên Hợp Quốc:	Không áp dụng
Lớp nguy hiểm trong vận chuyển:	Không áp dụng
Nhóm đóng gói:	Không áp dụng
Mối nguy hiểm về môi trường:	Ô nhiễm hàng hải: không
Phòng ngừa đặc biệt cho người dùng	Chưa có thông tin

### Sea transport

IMDG	Not classified as a dangerous good under transport regulations
UN number or ID number:	Not applicable
UN proper shipping name:	Not applicable
Transport hazard class(es):	Not applicable
Packing group:	Not applicable
Environmental hazards:	Not applicable
Special precautions for user	Marine pollutant: no None known

### Vận tải hàng không

IATA/ICAO	Không được phân loại như là hàng hoá nguy hiểm theo những qui định vận tải
-----------	--

### Air transport

IATA/ICAO	Not classified as a dangerous good under transport regulations
-----------	--

BASF Phiếu An toàn Hóa chất  
 Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 31.01.2024  
 Sản phẩm: **BUTYL TRIGLYCOL**

Phiên bản: 3.0

(30034746/SDS\_GEN\_VN/VI)

Ngày in: 08.10.2025

Số UN hoặc số ID:	Không áp dụng	UN number or ID number:	Not applicable
Tên vận chuyển thích hợp của Liên Hợp Quốc:	Không áp dụng	UN proper shipping name:	Not applicable
Lớp nguy hiểm trong vận chuyển:	Không áp dụng	Transport hazard class(es):	Not applicable
Nhóm đóng gói:	Không áp dụng	Packing group:	Not applicable
Mối nguy hiểm về môi trường:	Không áp dụng	Environmental hazards:	Not applicable
Phòng ngừa đặc biệt cho người dùng	Chưa có thông tin	Special precautions for user	None known

## 15. Thông tin về pháp luật

### Những quy định khác

Phiếu An toàn hóa chất (SDS) được biên soạn theo các quy định quốc tế về phân loại và ghi nhãn hóa chất (GHS) cũng như các quy định pháp luật hiện hành có liên quan:

- Luật Hóa chất số 06/2007/QH12 ngày 21/11/2007.
- Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09/10/2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất.
- Nghị định số 82/2022/NĐ-CP ngày 18 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất.
- Thông tư số 17/2022/TT-BCT ngày 27/10/2022 của Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 32/2017/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định cụ thể và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất và Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất.
- Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.
- Nghị định số 42/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 của Chính phủ Quy định Danh mục hàng hóa nguy hiểm, vận chuyển hàng hóa nguy hiểm bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ và vận chuyển hàng hóa nguy hiểm trên đường thủy nội địa.
- Thông tư số 32/2017/TT-BCT ngày 28/12/2017 của Bộ Công Thương quy định cụ thể và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất và Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09/10/2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất.
- Thông tư số 37/2020/TT-BCT ngày 30/11/2020 của Bộ Công Thương quy định danh mục hàng hóa nguy hiểm phải đóng gói trong quá trình vận chuyển và vận chuyển hàng hóa nguy hiểm bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ, đường sắt và đường thủy nội địa.
- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 05A:2020/BCT về an toàn trong sản xuất, kinh doanh, sử dụng bảo quản, vận chuyển hóa chất nguy hiểm và các quy định pháp luật liên quan đến lĩnh vực hóa chất có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp.

Phải bổ sung phụ lục trong trường hợp thông tin khác về việc áp dụng luật pháp chưa được cung cấp trong phiếu An toàn hoá chất này.

BASF Phiếu An toàn Hóa chất  
Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 31.01.2024  
Sản phẩm: **BUTYL TRIGLYCOL**

Phiên bản: 3.0

(30034746/SDS\_GEN\_VN/VI)

Ngày in: 08.10.2025

---

## **16. Các thông tin cần thiết khác, bao gồm các thông tin khi xây dựng và hiệu đính Phiếu an toàn hóa chất**

---

Những hàng trống bên lề trái cho biết một số hiệu chỉnh so với phiên bản trước đó.

Những thông tin trong phiếu an toàn hoá chất này được biên soạn dựa trên các kiến thức hợp lệ và mới nhất về hoá chất nguy hiểm và phải được sử dụng để thực hiện các biện pháp ngăn ngừa rủi ro, tai nạn. Phiếu An toàn hóa chất chỉ mô tả sản phẩm liên quan đến những yêu cầu an toàn. Dữ liệu không mô tả thuộc tính của sản phẩm (chi tiết kỹ thuật). Người sử dụng sản phẩm chịu trách nhiệm về các quyền sở hữu, các quy định pháp luật hiện hành có liên quan.